



ISSN 3093 - 3390

TẠP CHÍ

Kinh tế - Tài chính

CƠ QUAN CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Kỳ 1 tháng 8/2026 (Số 31)

**Chào mừng 81 năm ngày thành lập
NGÀNH TÀI CHÍNH VIỆT NAM VÀ QUỐC KHÁNH 2/9**



**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH
ĐẾN NĂM 2030 TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025**



<https://tapchikinhjetaichinh.vn>

THÔNG TIN LÝ LUẬN VÀ NGHIỆP VỤ KINH TẾ - TÀI CHÍNH

GIỚI THIỆU, CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

BAN BIÊN TẬP

Tổng Biên tập:

TS. PHẠM THU PHONG

Phó Tổng Biên tập:

BÙI ĐỨC HẢI

TS. VŨ THỊ ÁNH HỒNG

ThS., NGUYỄN HẢI HỒNG

ThS., BÙI THỊ THU HƯƠNG

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

GS. TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG

GS. TS. PHẠM HỒNG CHUƠNG

GS. TS. TRẦN THỌ ĐẠT

GS. TS. NGÔ THẮNG LỢI

GS. TS. NGUYỄN CÔNG NGHIỆP

GS. TS. SỬ ĐÌNH THÀNH

PGS. TS. BÙI HUY NHƯỢNG

PGS. TS. TRẦN TRỌNG NGUYỄN

PGS. TS. NGUYỄN HỒNG SƠN

PGS.TS. NGUYỄN ĐÀO TÙNG

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2030
TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025

- 7 Chiến lược tài chính đến năm 2030: Những kết quả nổi bật giai đoạn 2021-2025 và định hướng cho giai đoạn phát triển mới **Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Tuấn Minh**
- 11 Giải pháp kinh tế - tài chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế 2 con số ở Việt Nam **Lê Thị Mai Liên, Phạm Thị Thanh Hương, Lương Thị Huyền**
- 16 Hoàn thiện thể chế, chính sách tài chính - ngân sách, đầu tư và doanh nghiệp **Nguyễn Thị Quỳnh Chi**
- 20 Tăng cường quản lý thu, chi ngân sách nhà nước, bảo đảm các cân đối lớn của nền tài chính quốc gia **Nguyễn Thị Hải Hà, Hà Thị Phương Thảo**
- 25 Cải cách hệ thống chính sách thuế giai đoạn 2021-2025 và giải pháp hoàn thiện đến năm 2030 **Trương Bá Tuấn**
- 31 Xây dựng Hải quan Việt Nam chính quy, hiện đại, ngang tầm hải quan các nước phát triển **Mai Đức Khánh**
- 36 Xây dựng kho bạc số tại Kho bạc Nhà nước Việt Nam **Đinh Thu Trang**
- 41 Đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và đổi mới quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp **Nguyễn Thị Thủy Dương, Đoàn Thanh Thảo**
- 46 Phát triển thị trường tài chính và dịch vụ tài chính đồng bộ, hiện đại, minh bạch và bền vững **Lưu Ánh Nguyệt**
- 51 Hội nhập và hợp tác kinh tế - tài chính giai đoạn 2021-2025, phương hướng giai đoạn 2026-2030 **Nguyễn Phương Linh**
- 56 Ứng dụng công nghệ thông tin, thiết lập nền tảng tài chính số, góp phần cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước **Nguyễn Trung Hiếu**

TÀI CHÍNH - DOANH NGHIỆP

- 60 Thể chế phát triển nhân lực trong khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam: Thực trạng và định hướng hoàn thiện **Phan Văn Mai**
- 67 Tác động từ kinh tế vĩ mô và biến đổi khí hậu đến rủi ro tín dụng của ngân hàng thương mại Việt Nam **Nguyễn Phan Yến Phương, Phạm Thị Hoàng Anh**
- 72 Ứng dụng Suptech trong bối cảnh phát triển Fintech tại Việt Nam: Cơ sở lý thuyết, thực trạng và hàm ý chính sách **Phạm Thu Hương**
- 76 Hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong tiến trình tái cơ cấu và hiện đại hóa **Phạm Xuân Dũng, Phạm Thị Hoàng Anh**
- 81 Tác động của quản trị lợi nhuận đến quy mô vốn hóa của các ngân hàng thương mại Việt Nam **Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Hoàng Duy**
- 85 Tác động của cấu trúc hội đồng quản trị đến hiệu quả kinh doanh tại các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam **Trần Tuấn Minh**
- 89 Đo lường vốn trí tuệ xanh và rủi ro sai lệch diễn dịch trong phân tích nội dung: Nghiên cứu trường hợp của Vinamilk **Nguyễn Thị Ngọc, Lê Anh Tuấn, Nguyễn Thị Huyền Trâm**
- 96 Vai trò của thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng đối với hiệu quả tài chính các ngân hàng thương mại **Trần Thị Ngọc Hiền**
- 100 Rủi ro khí hậu, định giá thị trường và khả năng chống chịu tài chính: Bằng chứng từ các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam **Phạm Hồng Tuyền**
- 105 Phát triển mô hình nghiên cứu năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp **Nguyễn Quốc Nghi, Lê Thị Ngọc Vân**
- 109 Quản trị công ty, công bố thông tin và chi phí vốn ở Việt Nam: Tổng quan nghiên cứu **Đổng Minh Hồng**
- 113 Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các ngân hàng thương mại quy mô lớn tại Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị **Hoàng Nguyên Khai**
- 117 Tác động của chuyển đổi số đến hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam: Vai trò của năng lực cạnh tranh giai đoạn 2015-2025 **Tôn Thất Viên**



TÒA SOẠN:

703 Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933.2339

ĐẠI DIỆN PHÍA NAM:

138 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Xuân Hòa

TP. Hồ Chí Minh

QUẢNG CÁO & PHÁT HÀNH:

Điện thoại: (024) 3933.0034 - 3933.2339

Email: truyenthong.kttc@gmail.com

TÀI KHOẢN: Tạp chí Kinh tế - Tài chính

7311326688 Ngân hàng TMCP

Ngoại thương Việt Nam CN Tây Hồ

MÃ SỐ THUẾ: 0111000686

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN:

Số 107/GP-BVHTTDL ngày 26/8/2025

của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch

NƠI IN: Công ty TNHH MTV in Tạp chí Cộng sản

GIÁ BÁN: 100.000 đồng

LIÊN HỆ GỬI BÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC:

Phòng Thư ký - Biên tập

Email: nckh.kttc@gmail.com

Hotline: 0779.338.678

- 122 Rủi ro trong đầu tư phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam: Nhận diện, đánh giá và giải pháp kiểm soát **Nguyễn Trí Dũng, Nguyễn Phan Anh**
- 128 Quy trình học máy nhận diện dấu hiệu gian lận báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp sản xuất niêm yết ở Việt Nam **Phạm Thị Hà An**
- 132 Khoảng cách giữa VAS và IFRS trong đo lường và công bố thông tin công cụ tài chính phái sinh: Hàm ý cho ngân hàng thương mại niêm yết **Phạm Thị Thu Thủy**

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- 138 Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về kinh tế tư nhân và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam **Đỗ Văn Nhiệm**
- 141 Mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất trong nền kinh tế số: Thiết kế quy định và cơ chế giải trình môi trường ở Việt Nam **Nguyễn Trí Quốc, Nguyễn Thị Thơm**
- 144 Vai trò của đầu tư trí tuệ nhân tạo, năng lượng tái tạo, chất lượng thể chế và chính sách tài khóa đối với bền vững môi trường tại ASEAN-5 **Nguyễn Thanh Phúc**
- 148 Ứng dụng Prisma trong phân tích nghiên cứu về sự gắn kết của người lao động tại các khách sạn 5 sao từ tài liệu được công bố trên Scopus **Huỳnh Tấn Toàn, Hồ Thị Thanh Thanh, Nguyễn Thị Như Quỳnh, Bùi Thị Nga, Nguyễn Thành Luân, Nguyễn Thùy Linh**
- 153 Đào tạo kỹ năng xanh cho nhân lực nghề logistics Việt Nam dưới tác động của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới **Nguyễn Thị Thanh Mai**
- 158 Tác động từ lãnh đạo phục vụ đến hiệu suất làm việc của người lao động: Vai trò trung gian của niềm tin tổ chức và gắn kết công việc **Nguyễn Ngọc Hưng**
- 162 Chính sách tinh giản biên chế trong khu vực công: Thực trạng và giải pháp đối với thị trường lao động Việt Nam **Nguyễn Hữu Trinh, Đặng Hoài Đình**
- 166 Giải pháp hoàn thiện cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập **Nguyễn Thị Hồng Nguyên**
- 170 Tác động của công bằng cảm nhận đến lòng trung thành khách hàng trong ngành khách sạn Việt Nam **Trần Tuyết Minh**
- 175 Trách nhiệm pháp lý của nền tảng thương mại điện tử trong kiểm soát livestream bán hàng vi phạm: So sánh pháp luật Việt Nam và EU **Nguyễn Hoàng Thanh Thư**
- 179 Nghiên cứu hành vi tiêu dùng của thế hệ trẻ đối với nội dung tiếp thị tạo ra từ trí tuệ nhân tạo tạo sinh **Đinh Nguyệt Bích**
- 182 Quan hệ thương mại Việt Nam - EU trong bối cảnh thực thi EVFTA: Chuyển dịch từ ưu đãi thuế quan sang năng lực thích ứng tiêu chuẩn ESG **Hồ Ngọc Vinh**
- 186 Tăng cường quản lý nhà nước về không gian mạng ở Việt Nam **Nguyễn Văn Long, Nguyễn Đại Lâm, Lê Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Mai**
- 190 Hiệu suất công việc dưới tác động chuyển đổi số: Phân tích trắc lượng thư mục và định hướng nghiên cứu trong tương lai **Phạm Xuân Tới, Phước Minh Hiệp, Hồ Đại Đức**
- 195 Vai trò của khoa học, công nghệ trong xây dựng tiềm lực kinh tế quân sự ở Việt Nam **Nguyễn Đức Lượng, Bùi Tiến Phúc**

KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

- 198 Tác động của nhận thức ESG đến hiệu suất bền vững tại doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp khu vực Đông Nam Bộ: Vai trò trung gian kế toán viên và công bố thông tin **Nguyễn Vương Thành Long**
- 202 Ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh vào hệ thống kiểm soát nội bộ khu vực công **Vũ Kiến Phúc, Phạm Quang Huy**

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

- 206 Cơ chế tài chính hỗn hợp trong phát triển trung tâm tài chính: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam **Vũ Thanh Nguyên, Lương Văn Hà**
- 211 Xu hướng hoạt động quan hệ công chúng số: Kinh nghiệm từ các quốc gia phát triển và hàm ý cho Việt Nam **Trần Tuấn Anh**

CÁC SẢN PHẨM CỦA TẠP CHÍ KINH TẾ - TÀI CHÍNH



p-ISSN 3093-3390

Xuất bản 3 kỳ/tháng, điểm khoa học 0,75



p-ISSN 3093-3722

Xuất bản 2 tháng/kỳ, điểm khoa học 0,75.



e-ISSN 3093-3498

<https://tapchikinhjetaichinh.vn>



e-ISSN 3093-334X

<https://nghiencuu.tapchikinhjetaichinh.vn>

Điểm khoa học 0,75.



CHUYÊN TRANG CỦA TẠP CHÍ KINH TẾ - TÀI CHÍNH

e-ISSN 3093-3501

<https://thuehaiquan.tapchikinhjetaichinh.vn>



CHUYÊN TRANG CỦA TẠP CHÍ KINH TẾ - TÀI CHÍNH

e-ISSN 3093-3552

<https://ansinh.tapchikinhjetaichinh.vn>

- 215 Kinh nghiệm phát triển logistics xanh tại các nước phát triển và hàm ý cho Việt Nam
Nguyễn Thị Thanh Bình
- 219 Phản ứng chính sách trước biến động giá năng lượng tái tạo: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam
Đỗ Lê Chính, Đỗ Minh Chiến, Lê Thị Ninh
- 222 Kinh nghiệm phát triển kinh tế di sản của Trung Quốc và hàm ý cho Việt Nam
Nguyễn Thị Ly, Nguyễn Quang Tạo
- 225 Xu hướng đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam hiện nay và hàm ý chính sách
Giáp Thị Vịnh
- 229 Tác động của việc token hóa tài sản thực đối với cơ chế kiểm soát ngoại hối trong nền kinh tế số: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam
Đinh Hoàng Nga
- 233 Phân tích tác động của mạng xã hội và người có tầm ảnh hưởng đến ý định du lịch nội địa của giới trẻ Việt Nam
Nguyễn Khánh Duy
- 238 Ảnh hưởng của tiêu dùng xanh đến ý định du lịch xanh của Gen Z tại TP. Hồ Chí Minh
Phạm Xuân Kiên
- 242 Vai trò của nguồn lực nội bộ trong thúc đẩy kế toán xanh và hiệu quả hoạt động doanh nghiệp thủy sản khu vực Đồng bằng sông Cửu Long
Nguyễn Thị Phúc, Nguyễn Hữu Phú, Nguyễn Hồng Hà
- 249 Yếu tố ảnh hưởng đến mức độ ứng dụng thương mại điện tử của các doanh nghiệp dịch vụ nhỏ và vừa tại TP. Hồ Chí Minh
Nguyễn Thị Vân, Đỗ Lý Hoài Tân
- 253 Đánh giá rào cản chuyển đổi sang mô hình khu công nghiệp bền vững tại TP. Hồ Chí Minh theo phương pháp FAHP
Bùi Thanh Nhân, Hà Kiên Tân
- 257 Quản lý đầu tư công vào hạ tầng nông thôn tỉnh Hưng Yên
Hồ Sỹ Lưu
- 262 Mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng logistics xanh tại doanh nghiệp logistics ở TP. Hải Phòng
Phạm Văn Huy, Lê Sơn Tùng
- 267 Công tác quản lý đầu tư công ở tỉnh Tuyên Quang trong bối cảnh chuyển đổi số: Những vấn đề đặt ra
Hồ Văn Trị
- 272 Phát triển kinh tế đô thị TP. Huế giai đoạn 2021-2025
Nguyễn Hồ Minh Trang
- 276 Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào TP. Huế giai đoạn 2021-2025
Châu Lê Xuân Thi, Trần Huỳnh Quang Minh, Trần Thị Trà My
- 281 Phát triển nông nghiệp bền vững tại phường Hội An Đông, TP. Đà Nẵng trong bối cảnh đô thị hóa
Lê Thị Trường An
- 285 Bảo vệ môi trường để phát triển du lịch biển đảo bền vững tại tỉnh Khánh Hòa
Trần Thị Thanh Phượng
- 288 Ảnh hưởng của nhóm nhân tố thể chế, chính sách nhà nước đến quản lý của chính quyền tỉnh Khánh Hòa đối với nuôi trồng thủy sản trên biển
Nguyễn Thị Thanh Vân
- 292 Kinh nghiệm quốc tế và trong nước về tăng thu ngân sách nhà nước địa phương: Hàm ý chính sách cho tỉnh Đắk Lắk
Trần Bình Phương, Trần Thị Mẫn
- 296 Xây dựng hệ thống bảng điểm cân bằng và chỉ số đo lường kết quả hoạt động cốt yếu trong chiến lược nhân sự tại Thanh tra tỉnh Đồng Nai
Nguyễn Thị Hồng Yến, Trần Hoàng Minh
- 301 Tài chính công cho phát triển hạ tầng đô thị thông minh tại TP. Cần Thơ
Lê Thị Thủy Dương, Đinh Thị Chinh
- 305 Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách đối với dịch vụ lưu trú xanh tại TP. Cần Thơ
Lê Thị Nhà Ca, Nguyễn Huỳnh Phước Thiện
- 309 Nâng cao chất lượng chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tại Quận khu 4 - Bộ Quốc phòng
Nguyễn Trung Kiên
- 313 Nâng cao chất lượng và hiệu quả thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng
Tô Trung Nam, Nguyễn Ngọc Phương Khánh
- 318 Thu hút nguồn vốn FDI vào địa bàn Tây Ninh trong bối cảnh mới
Ngô Quốc Cường, Lê Thị Ngọc Mi
- 322 Hoàn thiện hoạt động Marketing Mix 7Ps tại Công ty Cổ phần Cơ khí và Tự động hóa Alpha Vina
Phạm Hữu Thạch, Lý Thành Tiến
- 326 Tác động của trách nhiệm xã hội môi trường đến hình ảnh thương hiệu và lòng trung thành khách hàng: Nghiên cứu tại Vietjet Air
Phan Thị Mỹ Ngọc, Lê Thái Sơn
- 331 Tự hào truyền thống 70 năm ngành Dự trữ nhà nước lớn mạnh cùng đất nước
Văn Trường



ỨNG DỤNG PRISMA TRONG PHÂN TÍCH NGHIÊN CỨU VỀ SỰ GẮN KẾT CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CÁC KHÁCH SẠN 5 SAO TỪ TÀI LIỆU ĐƯỢC CÔNG BỐ TRÊN SCOPUS

HUỲNH TẤN TOÀN¹, HỒ THỊ THANH THANH², NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH³,
BÙI THỊ NGÀ⁴, NGUYỄN THÀNH LUÂN⁵, NGUYỄN THUY LINH⁶

Tóm tắt

Nghiên cứu đánh giá xu hướng phát triển của các công bố khoa học về sự gắn kết của người lao động trong khách sạn 5 sao giai đoạn 2006-2026 dựa trên cơ sở dữ liệu Scopus. Kết quả cho thấy số lượng công bố có xu hướng gia tăng theo thời gian, đặc biệt từ sau năm 2015, các công trình nghiên cứu chủ yếu được công bố dưới dạng bài báo khoa học và tập trung trong lĩnh vực kinh doanh, quản trị và kế toán cùng với khoa học xã hội. Hoạt động nghiên cứu phân bố tại nhiều quốc gia, trong đó Thổ Nhĩ Kỳ, Malaysia và Trung Quốc là những quốc gia có số lượng công bố nổi bật. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp góc nhìn tổng quan về thực trạng phát triển của lĩnh vực, đồng thời xác định các khoảng trống nghiên cứu nhằm định hướng cho các nghiên cứu tiếp theo về sự gắn kết của người lao động trong khách sạn 5 sao.

Từ khóa: Gắn kết, cam kết tổ chức, khách sạn 5 sao, Scopus, xu hướng nghiên cứu.

APPLICATION OF THE PRISMA FRAMEWORK IN THE LITERATURE ANALYSIS OF EMPLOYEE ENGAGEMENT IN FIVE-STAR HOTELS: EVIDENCE FROM SCOPUS-INDEXED PUBLICATIONS

Abstract

This study employs the PRISMA framework to conduct a bibliometric analysis of the development trends in scientific publications on employee engagement in five-star hotels during the period 2006-2026 using data retrieved from the Scopus database. The findings indicate a steady increase in the number of publications over time, particularly since 2015. Most studies have been published as journal articles and are primarily concentrated in the fields of Business, Management and Accounting, as well as Social Sciences. Research activities are distributed across a wide range of countries, with Türkiye, Malaysia, and China emerging as the leading contributors in terms of publication output. The findings provide a comprehensive overview of the current state of research in this field while identifying existing research gaps, thereby offering valuable directions for future studies on employee engagement in five-star hotels.

Keywords: Engagement, organizational commitment, five-star hotels, Scopus, research trends

Ngày nhận bài: 5/6/2026; Ngày hoàn thiện biên tập: 20/7/2026; Ngày duyệt đăng: 22/7/2026

ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự gắn kết của người lao động với doanh nghiệp, đặc biệt là trong những khách sạn 5 sao luôn là một vấn đề tranh luận, quan tâm nhiều nhà khoa học trên thế giới. Có nhiều ý kiến khác biệt về định nghĩa sự gắn kết với tổ chức do không có sự nhất trí giữa các nhà nghiên cứu trong việc định nghĩa cũng như đo lường sự gắn kết với tổ chức (Nguyễn Thị Kim Hiệp, 2021). Việc không thống nhất trong thuật ngữ nghiên cứu gây

khó khăn trong việc đưa ra một định nghĩa khái quát, bao hàm cho các nghiên cứu về sự gắn kết của người lao động với khách sạn 5 sao. Cụ thể, bên cạnh những quan điểm cho rằng sự gắn kết tổ chức (organization engagement) tách bạch với sự gắn kết công việc (job engagement) để hợp thành sự gắn kết của người lao động (employee engagement) (Saks, 2006) thì một quan điểm khác xuất phát từ quan điểm của Trần Kim Dung (2006) cho rằng gắn kết của người lao động với tổ

¹ NCS., Tác giả chính, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Email: huynhtantoan@vnua.edu.vn

² NCS., Tác giả liên hệ, Trường Đại Học Phú Xuân, Email: thanh.ho@pxu.edu.vn

³ ThS., Trường Du lịch - Đại học Huế, Email: ntnquynh.kdl@hueuni.edu.vn

⁴ PGS.TS., Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Email: btnga@vnua.edu.vn

⁵ ThS., Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh, Email: luan.nguyen@ut.edu.vn

⁶ ThS., Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh, Email: thuylinh.nguyen@ut.edu.vn



chức nên được xem là cam kết tổ chức (organizational commitment) do gắn kết thể hiện trạng thái tình cảm nhiều hơn hành vi (Hoàng Thị Thùy Dương, 2021; Trần Kim Dung, 2006). Từ thực tế đó, các nhà nghiên cứu ở Việt Nam đã kế thừa và sử dụng nhiều phương pháp, thang đo khác nhau tùy theo phạm vi nghiên cứu của mình. Điều này dẫn đến sự không thống nhất, khó phân biệt và gây nhầm lẫn các nghiên cứu.

Mục tiêu trong nghiên cứu này là xem xét các nghiên cứu có liên quan đến sự gắn kết của người lao động với tổ chức, xác định các tài liệu được công bố trên SCOPUS để tìm ra các đặc điểm liên quan đến xu hướng nghiên cứu về nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của người lao động với các khách sạn 5 sao bằng việc phân tích dữ liệu. Từ đó, nghiên cứu sẽ đóng góp giá trị học thuật đồng thời gợi ý các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của người lao động với các khách sạn 5 sao làm tiền đề triển khai đo lường trong tương lai.

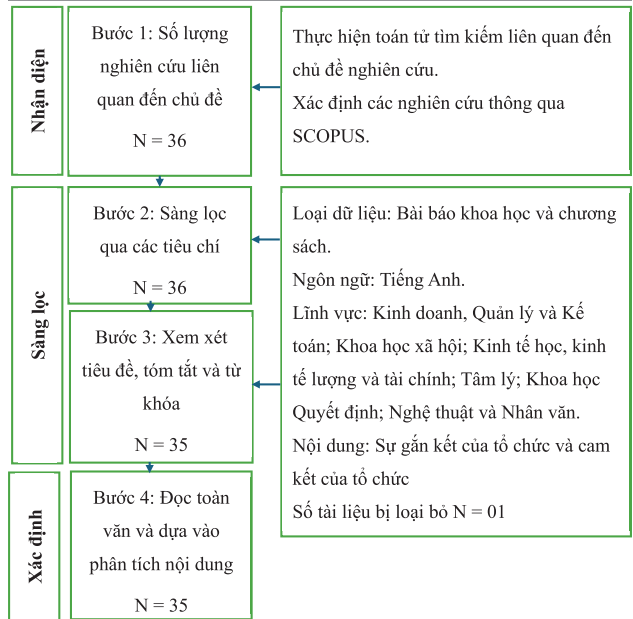
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chi phối toàn bộ quy trình nghiên cứu là phương pháp PRISMA. 4 bước trong khung phân tích này là xác định, sàng lọc, đánh giá đủ điều kiện và loại bỏ các tài liệu một cách minh bạch, khách quan, có hệ thống và có thể lặp lại (Hoàng Xuân Bình và cộng sự, 2025; Page và cộng sự, 2021; Sarkis-Onofre và cộng sự, 2021). Sở dĩ nhóm tác giả sử dụng phương pháp này vì PRISMA thường được xem là có vai trò như hướng dẫn chuẩn mực để báo cáo một cách minh bạch, toàn diện về kết quả cũng như quy trình nghiên cứu (Bùi Minh Đức và cộng sự, 2025). Tuy không phải là phần mềm dùng để phân tích các dữ liệu nhưng PRISMA sẽ cung cấp cái nhìn tổng quan cho các nghiên cứu từ đó giúp độc giả có cái nhìn khái quát, chất lượng cũng như phân loại được các đặc điểm (xu hướng, địa lý, năm...) của nghiên cứu trước đây.

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng dữ liệu là các bài báo khoa học đã được xuất bản trong các tạp chí Scopus gắn với chủ đề sự gắn kết của người lao động với tổ chức, khách sạn 5 sao, khách sạn hạng sang. Việc lựa chọn này dựa trên tính toàn diện và quy trình bình duyệt gắt gao hệ thống Scopus yêu cầu với các bài báo (Kuhzady và cộng sự, 2022). Scopus là một trong những cơ sở dữ liệu khoa học lớn nhất thế giới hiện nay (Phạm Thị Oanh, 2023), trích dẫn và tóm tắt đa ngành, được phát triển bởi nhà xuất bản Elsevier (Trung tâm thông tin thư viện và bảo tàng thuộc Trường Đại học KHXH&NV, 2025), một trong những nhà xuất bản uy tín trên thế giới. Việc các bài báo được bình duyệt sẽ gia tăng chất lượng và tối thiểu sai sót kết quả (Mai Thị Kiều Lan và cộng sự, 2023).

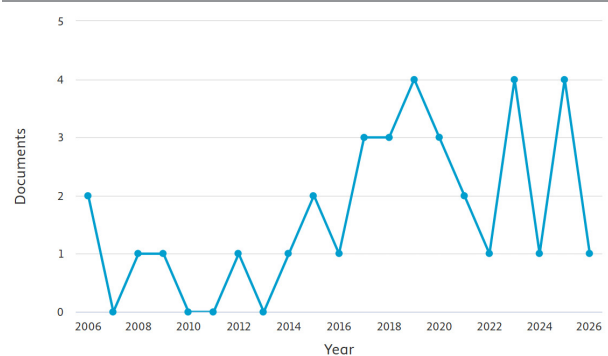
Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng cấu trúc ((“organization engagement” OR “organizational commitment”) AND (“five-star hotel*” OR “luxury

HÌNH 1: QUÁ TRÌNH XỬ LÝ DỮ LIỆU THEO HƯỚNG DẪN PRISMA



Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp, 2025

HÌNH 2: PHÂN TÍCH KẾT QUẢ THEO NĂM NGHIÊN CỨU



Nguồn: Kết quả trích từ phân tích của SCOPUS, 2026

hotel*” OR “high-end hotel*”) AND (“hospitality” OR “hotel industry”)) để tìm kiếm các nghiên cứu trong Tiêu đề, tóm tắt và từ khóa nghiên cứu.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Phân tích xu hướng công bố theo thời gian cho thấy, số lượng tài liệu về sự gắn kết của người lao động trong khách sạn có sự biến động đáng kể trong giai đoạn 2006-2026. Cụ thể, giai đoạn 2006-2014 ghi nhận số lượng tài liệu công bố tương đối thấp, dao động từ 0 đến 2 tài liệu mỗi năm. Một số năm như 2007, 2010, 2011 và 2013 không ghi nhận công bố nào, phản ánh mức độ quan tâm của cộng đồng học thuật đối với chủ đề này còn hạn chế trong giai đoạn đầu. Từ năm 2015 trở đi, số lượng công bố bắt đầu có xu hướng gia tăng rõ rệt. Số tài liệu tăng từ 2 công bố vào năm 2015 lên 3 công bố trong các năm 2017 và 2018, đồng thời đạt mức cao nhất là 4 công bố vào năm 2019. Kết quả này cho thấy chủ đề nghiên cứu đã thu hút sự quan tâm



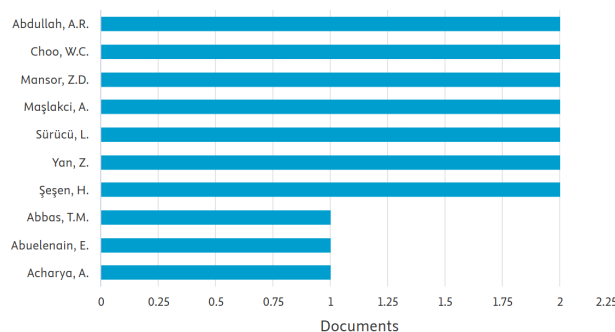
ngày càng lớn từ các học giả và nhà nghiên cứu, góp phần mở rộng nền tảng tri thức trong lĩnh vực. Trong giai đoạn 2020-2026, mặc dù số lượng công bố có sự dao động giữa các năm, xu hướng chung vẫn duy trì ở mức tương đối cao so với giai đoạn trước. Đặc biệt, các năm 2023 và 2025 tiếp tục đạt mức 4 công bố, tương đương với đỉnh công bố năm 2019. Điều này cho thấy chủ đề sự gắn kết của người lao động với khách sạn 5 sao vẫn giữ được sức hút và tiếp tục được khai thác trong các nghiên cứu gần đây.

Xu hướng nghiên cứu về sự gắn kết của người lao động với tổ chức trong ngành khách sạn đang tăng. Theo đó, số lượng công bố theo thời gian phản ánh sự phát triển dần của lĩnh vực nghiên cứu. Mặc dù quy mô công bố chưa lớn và còn xuất hiện những biến động nhất định giữa các năm, sự gia tăng số lượng tài liệu trong giai đoạn sau năm 2015 cho thấy chủ đề đang nhận được sự quan tâm ngày càng cao từ cộng đồng khoa học về sự gắn kết của người lao động với tổ chức trong ngành khách sạn nói chung và khách sạn 5 sao nói riêng. Đây là dấu hiệu tích cực, khẳng định tiềm năng phát triển và mở rộng của hướng nghiên cứu này trong tương lai.

Phân tích kết quả các tài liệu được công bố nhiều nhất cho thấy số lượng công bố của các tác giả tương đối khiêm tốn, dao động từ 1 đến 2 tài liệu. Trong đó, 7 tác giả gồm Abdullah, A.R.; Choo, W.C.; Mansor, Z.D.; Maslacić, A.; Sürücü, L.; Yan, Z. và Şeşen, H. là những học giả có năng suất công bố cao nhất với 2 tài liệu mỗi tác giả. Nhóm tác giả này đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển nền tảng tri thức của chủ đề sự gắn kết của người lao động với khách sạn 5 sao. Bên cạnh đó, các tác giả Abbas, T.M.; Abuelenain, E. và Acharya, A. đều có 1 công bố, phản ánh sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu khác nhau nhưng mức độ đóng góp còn phân tán. Sự chênh lệch không lớn về số lượng công bố giữa các tác giả cho thấy lĩnh vực nghiên cứu này chưa xuất hiện những học giả có ưu thế vượt trội về năng suất nghiên cứu hoặc chưa hình thành các nhóm nghiên cứu dẫn dắt với số lượng công trình nổi bật. Kết quả này phản ánh đặc điểm của một lĩnh vực nghiên cứu còn tương đối mới hoặc đang trong quá trình phát triển, khi số lượng công bố được phân bổ khá đồng đều giữa các tác giả. Đồng thời, điều này cũng cho thấy cơ hội để các nhà nghiên cứu mới tham gia và đóng góp vào lĩnh vực vẫn còn rộng mở. Trong tương lai, khi số lượng nghiên cứu gia tăng, có thể xuất hiện các tác giả hoặc nhóm nghiên cứu nòng cốt đóng vai trò dẫn dắt và định hình hướng phát triển của chủ đề.

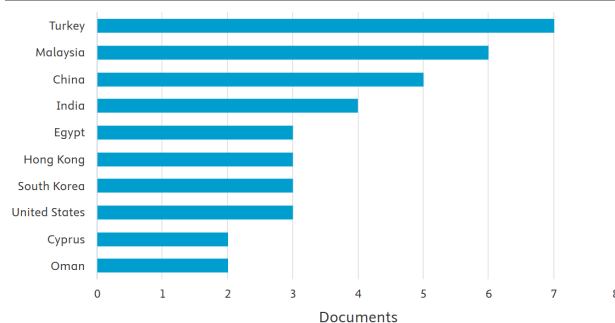
Phân tích phân bố công bố theo quốc gia cho thấy hoạt động nghiên cứu về chủ đề sự gắn kết của người lao động với khách sạn 5 sao tập trung chủ yếu tại một số quốc gia ở khu vực châu Á và Trung Đông. Trong đó, Turkey (Thổ Nhĩ Kỳ) dẫn đầu với 7

HÌNH 3: PHÂN TÍCH KẾT QUẢ THEO TÁC GIẢ



Nguồn: Kết quả trích từ phân tích của SCOPUS, 2026

HÌNH 4: PHÂN TÍCH KẾT QUẢ THEO VÙNG QUỐC GIA/LÃNH THỔ



Nguồn: Kết quả trích từ phân tích của SCOPUS, 2026

công bố, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng số tài liệu được ghi nhận. Kết quả này phản ánh sự quan tâm mạnh mẽ của các nhà nghiên cứu tại Thổ Nhĩ Kỳ đối với lĩnh vực nghiên cứu, đồng thời cho thấy vai trò nổi bật của quốc gia này trong việc đóng góp vào sự phát triển tri thức của chủ đề. Đứng thứ hai là Malaysia với 6 công bố, tiếp theo là Trung Quốc với 5 công bố và Ấn Độ với 4 công bố. Đây đều là những quốc gia có nền giáo dục đại học và hoạt động nghiên cứu phát triển mạnh trong khu vực châu Á, góp phần đáng kể vào việc mở rộng các hướng nghiên cứu liên quan. Nhóm quốc gia gồm Ai Cập, Hong Kong, Hàn Quốc và Hoa Kỳ đều ghi nhận 3 công bố. Sự hiện diện của các quốc gia này cho thấy chủ đề nghiên cứu đã thu hút sự quan tâm từ nhiều khu vực địa lý khác nhau, không chỉ giới hạn trong một phạm vi quốc gia hoặc khu vực cụ thể. Trong khi đó, Đảo Síp và Oman có mức đóng góp thấp hơn với 2 công bố mỗi quốc gia. Mặc dù số lượng công bố còn khiêm tốn, sự tham gia của các quốc gia này cho thấy phạm vi nghiên cứu đang dần được mở rộng và tiếp cận bởi nhiều cộng đồng học thuật khác nhau.

Kết quả phân tích cho thấy hoạt động nghiên cứu có sự phân bố tương đối đa dạng về mặt địa lý, tuy nhiên vẫn tập trung chủ yếu tại các quốc gia châu Á. Điều này phản ánh mức độ quan tâm cao của khu vực này đối với chủ đề sự gắn kết của người lao động với khách sạn 5 sao, đồng thời cho thấy tiềm năng



mở rộng hợp tác quốc tế và phát triển các mạng lưới nghiên cứu xuyên quốc gia trong tương lai. Sự phân bố công bố theo quốc gia cũng cho thấy lĩnh vực nghiên cứu đang trong quá trình phát triển và từng bước mở rộng phạm vi ảnh hưởng trên quy mô toàn cầu.

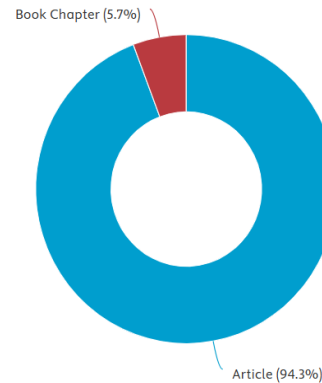
Phân tích cơ cấu loại hình tài liệu cho thấy các công bố trong lĩnh vực nghiên cứu về sự gắn kết của người lao động trong khách sạn chủ yếu được xuất bản dưới dạng bài báo khoa học (Article), chiếm 94,3% tổng số tài liệu. Trong khi đó, chương sách (Book Chapter) chỉ chiếm 5,7%. Sự chênh lệch rất lớn giữa 2 loại hình công bố phản ánh xu hướng phổ biến của các nghiên cứu hiện nay, khi các nhà khoa học ưu tiên công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí học thuật nhằm đảm bảo tính cập nhật, khả năng tiếp cận rộng rãi và mức độ lan tỏa cao trong cộng đồng nghiên cứu. Tỷ trọng áp đảo của các bài báo khoa học cho thấy lĩnh vực sự gắn kết của người lao động với khách sạn 5 sao đang được phát triển chủ yếu thông qua các công trình nghiên cứu thực nghiệm, nghiên cứu định lượng hoặc các nghiên cứu học thuật được phản biện nghiêm ngặt trước khi xuất bản. Ngược lại, số lượng chương sách còn khá hạn chế, chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng số công bố. Điều này cho thấy các công trình tổng hợp lý thuyết, chuyên khảo hoặc các ấn phẩm học thuật dưới dạng sách chưa được khai thác nhiều trong lĩnh vực nghiên cứu này. Tuy nhiên, sự xuất hiện của các chương sách cũng góp phần bổ sung góc nhìn tổng quan và hệ thống hóa tri thức, hỗ trợ cho sự phát triển của nền tảng lý luận trong lĩnh vực.

Phân tích cơ cấu lĩnh vực cho thấy hướng nghiên cứu về sự gắn kết của người lao động trong khách sạn có tính chất liên ngành rõ rệt, với sự tham gia của nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau. Trong đó, nhóm ngành Kinh doanh, Quản trị và Kế toán (Business, Management and Accounting) chiếm tỷ trọng lớn nhất với 43,8% tổng số công bố. Kết quả này cho thấy phần lớn các nghiên cứu tiếp cận chủ đề dưới góc độ quản trị, hành vi tổ chức, quản lý nguồn nhân lực và chiến lược phát triển doanh nghiệp. Đây cũng là lĩnh vực đóng vai trò trung tâm trong việc hình thành nền tảng lý thuyết và định hướng nghiên cứu của chủ đề.

Đứng thứ hai là lĩnh vực Khoa học xã hội (Social Sciences) với 23,4% tổng số công bố. Tỷ lệ này phản ánh sự quan tâm đáng kể của các nhà nghiên cứu đối với các khía cạnh xã hội, hành vi và mối quan hệ giữa con người với tổ chức. Sự kết hợp giữa Khoa học xã hội và Kinh doanh - Quản trị cho thấy chủ đề nghiên cứu không chỉ được xem xét dưới góc độ hiệu quả quản lý mà còn được tiếp cận từ các yếu tố xã hội và hành vi cá nhân.

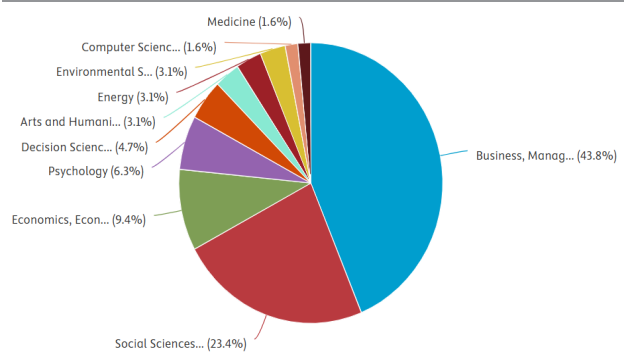
Lĩnh vực Kinh tế, Kinh tế lượng và Tài chính (Economics, Econometrics and Finance) chiếm 9,4%, xếp thứ ba trong cơ cấu nghiên cứu. Điều này cho thấy

HÌNH 5: PHÂN TÍCH KẾT QUẢ THEO LOẠI



Nguồn: Kết quả trích từ phân tích của SCOPUS, 2026

HÌNH 6: PHÂN TÍCH KẾT QUẢ THEO LĨNH VỰC, CHỦ ĐỀ



Nguồn: Kết quả trích từ phân tích của SCOPUS, 2026)

các nghiên cứu cũng quan tâm đến tác động kinh tế, hiệu quả tài chính và các yếu tố kinh tế vĩ mô hoặc vi mô liên quan đến chủ đề. Tiếp theo là Tâm lý học (Psychology) với 6,3% và Khoa học quyết định (Decision Sciences) với 4,7%, phản ánh sự chú trọng đến các yếu tố nhận thức, động cơ, thái độ và quá trình ra quyết định của cá nhân trong bối cảnh nghiên cứu.

Các lĩnh vực Nghệ thuật và Nhân văn (Arts and Humanities), Năng lượng (Energy) và Khoa học môi trường (Environmental Science) đều chiếm 3,1%. Mặc dù tỷ trọng không lớn, sự hiện diện của các lĩnh vực này cho thấy chủ đề nghiên cứu đang được mở rộng sang các bối cảnh ứng dụng đa dạng, từ văn hóa - xã hội đến phát triển bền vững và quản lý môi trường. Ngoài ra, Khoa học máy tính (Computer Science) và Y học (Medicine) cùng chiếm 1,6%, phản ánh xu hướng tích hợp công nghệ số và các yếu tố liên quan đến sức khỏe, phúc lợi con người trong các nghiên cứu gần đây.

Kết quả phân tích này cho thấy chủ đề nghiên cứu có phạm vi tiếp cận rộng và mang tính liên ngành cao. Tuy nhiên, các công bố vẫn tập trung chủ yếu vào nhóm ngành Kinh doanh, Quản trị và Khoa học xã hội, chiếm hơn 2/3 tổng số tài liệu. Điều này khẳng định bản chất cốt lõi của chủ đề là nghiên cứu các vấn đề liên quan đến quản trị tổ chức và hành vi con người trong môi



trường làm việc, đồng thời mở ra cơ hội phát triển các hướng nghiên cứu tích hợp với tâm lý học, kinh tế học, công nghệ và phát triển bền vững trong tương lai.

KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU TRONG TƯƠNG LAI.

Kết luận

Kết quả phân tích cho thấy số lượng công bố về sự gắn kết của người lao động trong khách sạn 5 sao có xu hướng gia tăng, đặc biệt từ sau năm 2015, phản ánh sự quan tâm ngày càng lớn của cộng đồng học thuật đối với chủ đề này. Các nghiên cứu chủ yếu được công bố dưới dạng bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế, góp phần nâng cao độ tin cậy và giá trị học thuật của lĩnh vực. Bên cạnh đó, chủ đề nghiên cứu mang tính liên ngành, được tiếp cận từ nhiều góc độ như quản trị, khoa học xã hội, tâm lý học và kinh tế học.

Bên cạnh đó, các công bố trên SCOPUS vẫn còn hạn chế nhất định. Mặc dù số lượng công bố có xu hướng tăng nhưng quy mô nghiên cứu vẫn còn khiêm tốn và phân tán giữa các tác giả, chưa hình thành các nhóm nghiên cứu dẫn dắt nổi bật. Hoạt động nghiên cứu tập trung chủ yếu tại một số quốc gia như Thổ Nhĩ Kỳ, Malaysia và Trung Quốc, trong khi sự tham gia của nhiều quốc gia khác còn hạn chế.

Ngoài ra, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào các yếu tố truyền thống ảnh hưởng đến sự gắn kết của người lao động.

Từ đó, có thể thấy tồn tại một khoảng trống trong các nghiên cứu về sự gắn kết của người lao động trong khách sạn 5 sao có thể khai thác trong điều kiện của Việt Nam. Trong đó, các yếu tố mới như trải nghiệm nhân viên, trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, chuyển đổi số trong quản trị nhân sự, sức khỏe tâm lý và cân bằng công việc - cuộc sống cần được xem xét đầy đủ. Đây là những khoảng trống cần tiếp tục được khai thác trong các nghiên cứu tương lai nhằm hoàn thiện cơ sở lý luận và thực tiễn về sự gắn kết của người lao động trong ngành khách sạn.

Hướng phát triển nghiên cứu trong tương lai

Trong tương lai, nghiên cứu cần mở rộng các danh mục tạp chí uy tín khác như Web of Science (WoS), PubMed, Springer, Taylor & Francis, Sage, Wiley, hoặc Oxford University Press... để có thể có cái nhìn tổng quan hơn về sự gắn kết của người lao động trong các khách sạn 5 sao. Ngoài ra, nghiên cứu là tiền đề để tổng quan hệ thống tài liệu, do đó cần sử dụng các phần mềm như VOSviewer, NVIVO... để tổng hợp tài liệu, từ đó phân tích và phát triển thành một bài tổng quan nghiên cứu hệ thống hoàn chỉnh. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Bùi Minh Đức, Dương Thị Mỹ Hằng, & Trần Thị Hạnh Phương. (2025). Applying the bibliometric method in literature review research on the theory and methodology of teaching literature and Vietnamese language. *Tạp chí khoa học giáo dục Việt Nam*, 21, 16 - 23. http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/khdgvn_-_tap_21-_so_03_-16-23.pdf
2. Hoàng Thị Thủy Dương. (2021). Các nhân tố ảnh hưởng tới sự gắn kết của nhân viên với tổ chức tại các doanh nghiệp sau M&A ở Việt Nam. *Quản trị kinh doanh, Luận án tiến sĩ*.
3. Hoàng Xuân Bình, Hoàng Thị Hòa, Nguyễn Thủy Anh, Phạm Hương Giang, Nguyễn Minh Thủy, & Nguyễn Huy Khánh. (2025). Động lực chuyển đổi số của doanh nghiệp nhỏ và vừa: Nghiên cứu tổng quan hệ thống sử dụng khung phân tích ado. *Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế*, 178(178), 62-75. file:///C:/Users/ASUS/Downloads/131848-Kh%C3%83%C2%A1c-247461-1-10-20260209.pdf
4. Kuhzady, S., Seyfi, S., & Béal, L. (2022). Peer-to-peer (P2P) accommodation in the sharing economy: A review. *Current issues in tourism*, 25(19), 3115-3130. <https://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1080/13683500.2020.1786505>
5. Mai Thị Kiều Lan, Hoàng Trọng Hùng, & Hồ Thị Thúy Nga. (2023). Trách nhiệm xã hội điểm đến du lịch: Tổng quan nghiên cứu và các đề xuất. *Hue University Journal of Science: Economics and Development*, 132(5C), 39-63-39-63. https://csdlkhoahoc.hueuni.edu.vn/data/2023/7/28_Bai_bao_trach_nhiem_diem_den_-_TC_DHH.pdf
6. Nguyễn Thị Kim Hiệp. (2021). Các yếu tố tác động đến sự gắn kết của người lao động với doanh nghiệp tại Đồng Nai. *Tạp chí Công thương*. <https://tapchicongthuong.vn/cac-yeu-to-tac-dong-den-su-gan-ket-cua-nguoi-lao-dong-voi-doanh-nghiep-tai-dong-nai-80185.htm>
7. Page, M. J., McKenzie, J. E., Bossuyt, P. M., Boutron, I., Hoffmann, T. C., Mulrow, C. D., Shamseer, L., Tetzlaff, J. M., Akl, E. A., & Brennan, S. E. (2021). The PRISMA 2020 statement: an updated guideline for reporting systematic reviews. *bmj*, 372.
8. Phạm Thị Oanh. (2023). Bão ở Việt Nam dưới tác động của biến đổi khí hậu: Phân tích từ cơ sở dữ liệu Scopus. *Journal of scientific research and development*, 2(3), 12 - 22. <https://jsrd.thanhdo.edu.vn/index.php/khpt/article/view/66/62>
9. Saks, A. M. (2006). Antecedents and consequences of employee engagement. *Journal of Managerial Psychology*, 21(7), 600-619. <https://www.emerald.com/joepp/article-abstract/6/1/19/228358/Antecedents-and-consequences-of-employee?redirectedFrom=fulltext>
10. Sarkis-Onofre, R., Catalá-López, F., Aromataris, E., & Lockwood, C. (2021). How to properly use the PRISMA Statement. *Systematic reviews*, 10(1), 117. <https://link.springer.com/article/10.1186/s13643-021-01671-z>
11. Trần Kim Dung. (2006). Thang đo ý thức gắn kết đối với tổ chức. *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, 184, 50-52.